

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP CHACHEER

TCCS 10/VDN/2025

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 10/VDN/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP CHACHEER

2. Thành phần:

Nhân đậu phộng (25%), đậu Hà Lan (19%), đậu tằm (12%), dầu cọ, bột gạo nếp, tinh bột ngô, nho đỏ khô (4%), nho xanh khô (4%), hỗn hợp bột gia vị, đường, bột mì, gia vị trứng cua (chứa aspartam), gia vị men, trứng, muối, chất chống oxy hóa (319).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) Quy cách đóng gói: 26 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì MOPP2.5/VMPET1.2/PE5.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

HEFEI JINJUNHAO FOOD CO.,LTD.

Địa chỉ: No.3, Longqiao Road, Taichuangyuan, Lujiang County, Hefei City, Anhui Province, China.

Xuất xứ: Trung Quốc.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM



Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm “Đậu và trái cây khô tổng hợp ChaCheer” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1, 2.2, 4.6, 5.6, 6.3).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 2.18, 3.18).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC


Ni Chih Hao


T. D. DONG NAI

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam	Nhóm sản phẩm: Thực phẩm mặn ăn liền	SỐ: TCCS 10/VDN/2025
	Sản phẩm: ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP CHACHEER	Có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 07 năm 2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100 g	≤ 500
2	Hàm lượng chất đạm	g/100 g	≥ 14
3	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100 g	≥ 36
4	Hàm lượng chất béo	g/100 g	≤ 29
5	Hàm lượng chất béo bão hòa	g/100 g	≤ 7,5
6	Hàm lượng Natri	mg/100 g	≤ 200
7	Hàm lượng đường tổng số	g/100 g	≤ 16

1.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.8, 2.18, 3.18)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,2

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp theo tiêu chuẩn nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	< 10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	< 10
3	Escherichia coli	CFU/g	< 10
4	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10
5	Bacillus cereus	CFU/g	< 10 ²
6	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	< 10 ²

1.4. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.1, 2.2, 4.6, 5.6, 6.3).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂)	µg/kg	4

3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	100
6	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	800

2. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: Xem trên bao bì sản phẩm.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- **Hướng dẫn sử dụng:** Ăn liền sau khi mở bao bì.
- **Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

4. Thông tin cảnh báo: Sản phẩm chứa bột mì, đậu phộng, tôm, cá, sò điệp, đậu nành, cua, trứng, phenylalanine và có thể chứa sữa.

5. Nội dung ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn phù hợp với:

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ni Chih Hao

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
ĐT: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP CHACHEER

Các chỉ tiêu giám sát	Định kỳ giám sát	Đơn vị thực hiện
- Năng lượng - Hàm lượng chất đạm - Hàm lượng chất béo - Hàm lượng chất béo bão hòa - Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ) - Hàm lượng Natri		
- Hàm lượng đường tổng số - Hàm lượng Asen (As) - Hàm lượng Cadimi (Cd) - Hàm lượng Chì (Pb) - Tổng số vi sinh vật hiếu khí - <i>Coliforms</i> - <i>Escherichia coli</i> - <i>Clostridium perfringens</i> - Tổng số nấm men, nấm mốc - <i>Bacillus cereus</i> - Hàm lượng Aflatoxin B₁ - Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B₁, B₂, G₁, G₂) - Hàm lượng Ochratoxin A - Hàm lượng Deoxynivalenol - Hàm lượng Zearalenone - Hàm lượng Fumonisin	1 năm/1 lần	Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025

Đồng Nai, ngày 18 tháng 07 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

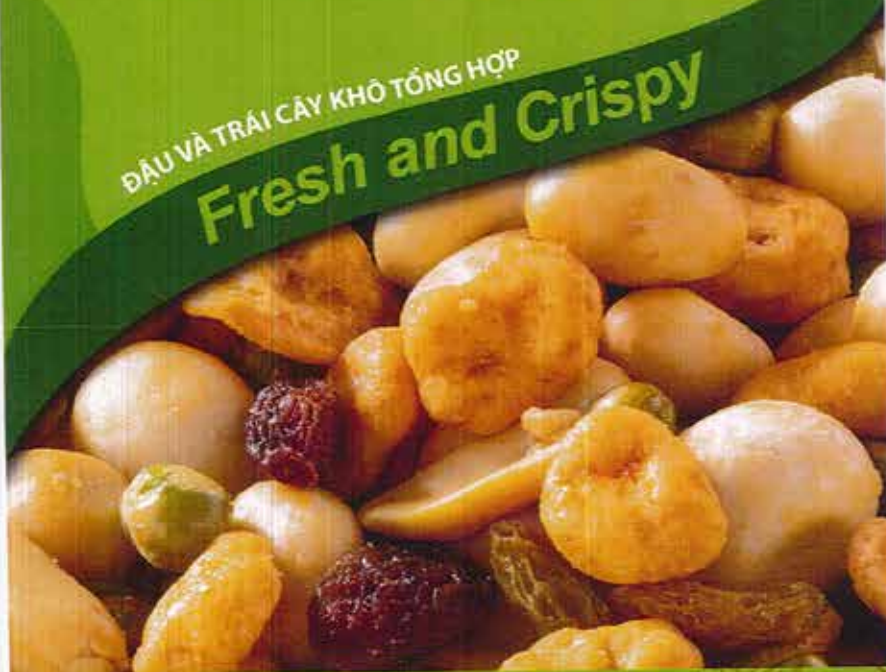


Ni Chih Hao

ChaCheer®

MIXED BEANS & DRIED FRUITS

ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP
Fresh and Crispy



Khối lượng tịnh: 26 g

CÔNG TY
CÓ PHÂN HỮU HẠN
VEDAN
VIỆT NAM
HÀNG THƯƠNG HIỆU
NICH HAO

ChaCheer® MIXED BEANS &
DRIED FRUITS

ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP CHACHEER

Thành phần: Nhân đậu phộng (25%), đậu Hà Lan (19%), đậu tằm (12%), dầu cọ, bột gạo nếp, tinh bột ngô, nho đỏ khô (4%), nho xanh khô (4%), hỗn hợp bột gia vị, đường, bột mì, gia vị trứng cua (chứa aspartam), gia vị men, trứng, muối, chất chống oxy hóa (319).

Khối lượng tịnh: 26 g

NSX, HSD: Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Ăn liền sau khi mở bao bì.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nén và không tác động lực mạnh.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm chứa bột mì, đậu phộng, tôm, cá, sò điệp, đậu nành, cua, trứng, phenylalanine và có thể chứa sữa.

Nhà sản xuất: HEFEI JINJUNHAO FOOD CO., LTD.

Địa chỉ: No.3, Longjiao Road, Taichuangyuan, Lujiang County, Hefei City, Anhui Province, China

Xuất xứ: Trung Quốc

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Free Hotline: 1800 599 902

Website: www.vedan.com.vn

TCCS 10/VDN/2025



ChaCheer®

TRADEMARK OF QIAQIA FOOD CO., LTD.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng
(có trong 100 g sản phẩm)

Năng lượng	≤	500 kcal
Chất đạm	≥	14 g
Carbohydrat	≥	36 g
Chất béo	≤	29 g
Chất béo bão hòa	≤	7.5 g
Natri	≤	200 mg
Đường tổng số	≤	16 g



6 937351 707651

KT3-02142BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/07/2025
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : ĐẬU VÀ TRÁI CÂY KHÔ TỔNG HỢP CHACHEER
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 11/04/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/04/2025 – 22/04/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM -
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Dong Nai
Province, Vietnam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-02142BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/07/2025
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ <i>Calories</i> ^(*) • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	455
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QTTN/KT3 140:2016 Kjeldahl method		-	15,9
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g <i>Carbohydrate excluding fibre content</i>	AOAC 2020.07		-	40,1
7.4. Hàm lượng béo, g/100 g <i>Fat content</i>	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		-	25,7
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 g <i>Sodium content</i>	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		178
7.6. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ , g/100 g <i>Total sugar content</i>	QUATEST3 1222:2024	-		14,6
7.7. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 g <i>Saturated fat content</i>	AOAC 2019 (996.06)	-		6,72
7.8. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg <i>Aflatoxin B1 content</i>	TCVN 7596 : 2007	0,25		Nhỏ hơn 0,75 ⁽³⁾ <i>Less than</i>
7.9. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg <i>Total aflatoxin content</i>	TCVN 7596 : 2007	0,25		Nhỏ hơn 0,75 ⁽³⁾ <i>Less than</i>
7.10. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg <i>Ochratoxin A content</i>	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), µg/kg <i>Fumonisin (B1 + B2) content</i>	QTTN/KT3 161 : 2017	25		Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-02142BTP5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

03/07/2025
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm

Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.12. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg Deoxynivalenol content	QTTN/KT3 089:2018	20		Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng zearalenone, µg/kg Zearalenone content	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15		Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098:2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098:2016	$3,00 \times 10^{-2}$		Nhỏ hơn $9,00 \times 10^{-2}$ (3) Less than
7.16. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.17. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		$3,0 \times 10^1$
7.18. E. Coli, CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn $10^{(2)}$ Less than
7.19. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn $10^{(2)}$ Less than
7.20. Clostridium perfringens, CFU/g	TCVN 4991:2005	-		Nhỏ hơn $10^{(2)}$ Less than
7.21. Bacillus cereus giả định, CFU/g Presumptive bacillus cereus	ISO 7932 : 2004 - Amd 1:2020	-		Nhỏ hơn $10^{(2)}$ Less than
7.22. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g Total yeasts & moulds	ISO 21527-2:2008	-		$2,0 \times 10^1$

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Hàm lượng đường tổng số (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose + galactose)

(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and there is no a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.